



- Bà Nguyễn Thị K (là vợ ông G), địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 7, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### ***Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện ông Trần Đức G trình bày:***

Ngày 15/3/2019, ông Trần Đình L, thường trú tại Tiểu khu 9, thị trấn Q có đơn gửi đến UBND huyện M về yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông L với ông G. Ngày 17/5/2019, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 848/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định 848) về giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Trần Đình L với hộ ông Trần Đức G. Ông đã khởi kiện quyết định số 848 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Tại bản án số 07/2020/HC-ST ngày 20/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tuyên hủy quyết định 848 của Chủ tịch UBND huyện M. UBND huyện M kháng cáo. Tại bản án số 26/2020/HC-PT ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng đã y bản án sơ thẩm số 07 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình yêu cầu Chủ tịch UBND huyện M giải quyết lại tranh chấp đất đai.

Ngày 22/9/2021, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 1738/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông Trần Đình L và ông Trần Đức G (giải quyết lại). Tuy nhiên, Quyết định số 1738 không có thay đổi so với Quyết định 848 trước đó, vẫn không khắc phục được những bất cập, vẫn công nhận đất của ông Trần Đình L phần đường nông thôn 2m và còn lấy đất của ông G 2,8 mét. Tại thời điểm 13/9/2003, đất ông L được cấp là 12 mét nhưng thời điểm này một mình ông L dẫn đạc, không có mặt ông G và việc ký vào hồ sơ để xác lập bản đồ địa chính là do giả mạo chữ ký ông G (Theo kết quả giám định số 585/GĐ-PC 54 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình). Tại thời điểm năm 2011 so với bản đồ trước kia thì đất ông L tăng 1,3 m và trên thực tế đất ông L chỉ 10 m nhưng ông L lấn đường 2 mét và UBND huyện M lấy phần đất ông G 2,8 m để giao ông L nên chiều rộng mặt tiền đất ông L tăng 4,8 m. Theo bản đồ quy hoạch xóm M1 thì đất ông L là 300m<sup>2</sup> nhưng thực tế là 450m<sup>2</sup>. Theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, Chủ tịch UBND huyện M đã xác định phần đất ông L tăng lên là đất hành lang giao thông. Điều này không đúng với thực tế. Ông khởi kiện yêu cầu hủy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 1738 của Chủ tịch UBND huyện M.

***Ngày 15/3/2022, UBND huyện M có Công văn số 90/TNMT nêu ý kiến về nội dung yêu cầu của người khởi kiện như sau:***

- Thứ nhất, về thẩm quyền, trình tự thủ tục, căn cứ giải quyết tranh chấp đất đai, UBND huyện M có đầy đủ thẩm quyền để thực hiện giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông Trần Đình L với hộ gia đình ông Trần Đức G theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Việc giải quyết tranh chấp đất đai đã được UBND huyện M thực hiện bảo đảm theo quy định tại Điều 89, khoản 1

Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Thứ hai, về hồ sơ địa chính: Bản đồ địa chính là cơ sở thành lập hồ sơ địa chính. Tuy nhiên, đối với thửa đất ông G, ông L sử dụng, trong quá trình đo đạc thành lập bản đồ địa chính thị trấn Q năm 2004 và 2011, do không có sự dẫn đạc của chủ sử dụng đất là ông G nên đã đo các vị trí chưa có mốc giới là không chính xác. Theo kết quả xác minh, kết luận giám định về chữ ký ông G trên hồ sơ địa chính năm 2004 và 2011 thì ông G không ký công nhận hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm lập bản đồ địa chính. Do đó, bản đồ địa chính năm 2004 và năm 2011 đối với hai thửa đất của ông G, ông L không phải là căn cứ pháp lý để giải quyết tranh chấp đất đai.

- Thứ ba: Về nguồn gốc sử dụng đất: Đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ 28 ông G đang sử dụng theo trình bày của ông G thì đất có nguồn gốc sử dụng từ năm 1990, đến năm 1996 gia đình ông bị thu hồi một phần đất ở phía Bắc để xây dựng đường giao thông liên thôn và Trung tâm dạy nghề huyện, phần đất phía Nam đường liên thôn gia đình ông vẫn sử dụng, theo Biên bản giải quyết đất thổ cư năm 1996 thì gia đình ông được giao thêm ở phía Đông một phần diện tích đất. Ông G cho rằng, chính quyền đã làm biên bản thỏa thuận sẽ cấp bù cho gia đình ông một phần diện tích đất bị thu hồi bằng con đường đi ra các hộ phía sau nhưng nhà ông L đã san lấp con đường này và lấn chiếm đất ở của gia đình ông mặt tiền hơn 2 mét. Tuy nhiên, quan xem xét biên bản giải quyết đất thổ cư ngày 14/5/1996 thì không thể hiện diện tích và kích thước giao bổ sung và mốc giới sử dụng của hộ gia đình ông G. Quá trình giải quyết vụ án, ông G không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện hộ gia đình ông được cấp bù do bị thu hồi. Vì vậy không có căn cứ xác định mốc giới hộ ông G được giao. Tại biên bản làm việc ngày 24/4/2019, ông G trình bày sau khi con đường liên thôn mới đã được xây dựng thì con đường nhỏ 2 m chỉ phục vụ việc đi lại cho hộ gia đình ông Trần Quang Trung, giữa hai gia đình ông G và ông Trung đã thống nhất lấy một phần đất gia đình ông G để làm lối đi vào nhà ông Trung nối với đường liên thôn, còn con đường 2 m là hộ ông G sử dụng. Khi so sánh bản đồ quy hoạch xóm ông M1 với thực địa hộ ông G sử dụng thì tăng 2,8 m (theo quy hoạch thì mỗi thửa đất chỉ có chiều rộng 12 mét). Như vậy căn cứ vào giấy tờ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất thì không có cơ sở khẳng định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông G.

Đối với thửa đất của ông L (thửa 102, tờ bản đồ số 28): Năm 1997, ông L được UBND xã Q giao đất có tứ cận phía Bắc giáp nhà ông G (cạnh 25m); phía Nam giáp nhà ông Cao Xuân H2 (cạnh 25 m); Phía Đông giáp nhà ông Trần Quang Tr (cạnh 12 m), phía Tây giáp đường Quốc lộ 29A, cạnh 12 m, diện tích được giao 300 m<sup>2</sup>. (Biên bản giao đất thổ cư ngày 8/7/1997). Những người tham gia việc giao đất năm 1997 đều xác nhận diện tích được giao năm 1997 là đúng thực tế. So với hiện trạng sử dụng đất hiện tại so với biên bản chuyển giao đất

thổ cư thì không có sự trùng khớp về hình thể và kích thước. Cạnh phía Tây giảm 2m. Các cạnh còn lại có tăng thêm. Và phần diện tích tăng thêm không liên quan đến diện tích tranh chấp với hộ gia đình ông G. Quá trình giải quyết hộ ông G đề nghị căn cứ vào bản đồ giải thửa 299 để giải quyết. Tuy nhiên, theo UBND Thị trấn Q và cơ quan Tài nguyên môi trường huyện thì hiện tại không lưu trữ bản đồ này.

Từ đó, UBND huyện M khẳng định quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 1738 của Chủ tịch UBND huyện M là đảm bảo tính khách quan, trung thực, hợp lý, hợp tình.

***Tại bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:***

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 về án phí và lệ phí toà án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức G về việc huỷ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện M về giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông Trần Đình L và hộ gia đình ông Trần Đức G để giải quyết lại.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, người khởi kiện ông Trần Đức G kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, huỷ Quyết định số 1738/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện M.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Trần Đức G, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Trên cơ sở các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào ý kiến trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên toà; xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện có kháng cáo ông Trần Đức G không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện thấy rằng: Ngày 28/10/2021, ông Trần Đức G có đơn khởi kiện, đề nghị Toà án huỷ Quyết định số 1738/QĐ-

UBND ngày ngày 22/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện M, tỉnh Quảng Bình về giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Trần Đình L với hộ ông Trần Đức G. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức G, Hội đồng xét xử thấy:

[3] Cơ sở để ông G khởi kiện yêu cầu hủy quyết định 1738 là "Biên bản giải quyết đất thổ cư". Theo nội dung biên bản thì UBND xã Q có thành lập Hội đồng giải quyết đất thổ cư gồm:

1. Ông Đinh Văn Th - Chủ nhiệm Hợp tác xã H3.
2. Ông Đinh Minh Ch - Phó chủ nhiệm Hợp tác xã H3.
3. Ông Cao Vinh Đ - Kế toán Hợp tác xã H3.
4. Ông Trần Xuân T2 - Trưởng thôn Nam Hoá, xã Q.
5. Ông Đinh Văn Tr - Hiệu trưởng Trường dạy nghề huyện M.
6. Ông Trần Đức G - Hộ có đất thổ cư.

Người chứng kiến: Ông Trần Xuân T3, Phó Chủ tịch UBND xã Q.

Nội dung biên bản này xác nhận có việc mở đường giao thông liên thôn đi qua đất nhà ông G nên giao bù lại phần đất phía Nam đường giao thông liên thôn cho gia đình ông G. Theo ông G thì phần đất giao bù nói ở biên bản giải quyết đất thổ cư nói trên là con đường 02 mét, phía Nam thửa đất của ông G, hiện đã bị ông L lấn chiếm. Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì không thể hiện phần diện tích bị thu hồi ở phía Bắc đất ông G là bao nhiêu; Thửa đất của ông G ban đầu được giao là bao nhiêu. Theo yêu cầu của ông G phải căn cứ vào bản đồ giải thửa 299 để xác định hình thể kích thước ban đầu thửa đất ông G sử dụng. Ngày 28 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh đã có Công văn số 158/CV-TA yêu cầu Trung tâm Công nghệ thông tin sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình và UBND thị trấn Q cung cấp trích lục bản đồ 299 đối với thửa đất của ông G nhưng được trả lời không lưu trữ. UBND thị trấn Q không có ý kiến phản hồi. Như vậy không có căn cứ chứng minh cạnh phía Tây thửa đất của ông G là 17.08m như ông G trình bày.

[4]. Căn cứ biên bản chuyên giao đất cho hộ gia đình ông L lập ngày 08/7/1997 ý kiến của những người tham gia giao đất và bản đồ quy hoạch xóm Ông M1, thôn Nam Hoá, theo đó xác định cạnh mặt tiền giáp Quốc lộ 12A của hộ gia đình ông L có chiều dài 12 mét, diện tích là 300 m<sup>2</sup>. Diện tích đang sử dụng hiện nay là 450,7 m<sup>2</sup> (chưa bao gồm diện tích tranh chấp). Theo kết quả xem xét thẩm định trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện M thì không kể diện tích tranh chấp, hiện tại chiều rộng mặt tiền thửa đất ông L sử dụng mặt tiền hướng Tây là 10 m, giảm 2 mét so với bản đồ quy hoạch xóm M1 cũng như biên bản giao đất thổ cư năm 1997 cho gia đình ông L. Sở dĩ diện tích tăng so với diện tích được giao ban đầu 300m<sup>2</sup> vì các cạnh còn lại đều tăng lên. Như vậy lời trình bày của ông G về việc ông L lấn chiếm con đường 2 mét rộng và lấn chiếm thêm đất của ông G là không có căn cứ. Tại

phiên tòa sơ thẩm, ông G xác nhận khi ông được Hợp tác xã giao đất năm 1990 thì ông không biết cụ thể kích thước đất ông cạnh hướng Tây là bao nhiêu, chiều sâu thửa đất là bao nhiêu. Quá trình sử dụng đất đai của ông G có biến động (mở đường liên thôn, làm trường dạy nghề) tuy nhiên không có tài liệu chứng minh lấy đất ông G bao nhiêu, cấp bù bao nhiêu. Do ông G không ký vào biên bản xác định hiện trạng thửa đất, cơ sở để lập bản đồ địa chính năm 2004 và 2011 của thị trấn Q đối với thửa đất ông G nên Chủ tịch UBND huyện M đã không sử dụng kết quả trích lục bản đồ địa chính năm 2004 và năm 2011 để giải quyết tranh chấp là có cơ sở. Như vậy, chứng cứ đáng tin cậy để giải quyết tranh chấp là Bản đồ quy hoạch xóm M1 và biên bản giao đất cho ông L.

[5] Quyết định 1738/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện M có nội dung: Công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông L một phần diện tích 25m<sup>2</sup> tại khu vực giáp ranh giữa thửa đất số 77 và thửa đất số 102, tờ bản đồ số 28, thuộc Tiểu khu 9, thị trấn Q; cạnh phía Tây, giáp Quốc lộ 12A, rộng 2m; cạnh phía Bắc giáp phần đất công nhận cho gia đình ông G, dài 25,14m; cạnh phía Nam giáp vườn nhà ông L đang sử dụng không có tranh chấp dài 25,1m. Đồng thời công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông G một phần diện tích 10,1m<sup>2</sup> tại khu vực giáp ranh giữa thửa đất số 77 và thửa đất số 102, tờ bản đồ số 28, thuộc TK9, thị trấn Q, kích thước cụ thể: cạnh phía Tây giáp Quốc lộ 12A, rộng 0,8m; cạnh phía bắc giáp vườn nhà ông G đang sử dụng không có tranh chấp, dài 25,2m; cạnh phía Nam giáp phần đất công nhận cho gia đình ông L, dài 25,14m là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức G về yêu cầu huỷ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện M về giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông Trần Đình L và hộ gia đình ông Trần Đức G là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Trần Đức G kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án nên kháng cáo không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bác kháng cáo của ông G, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm hành chính: Kháng cáo của ông G không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông G là người trên 60 tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông Trần Đức G, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức G về việc huỷ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện M về giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông Trần Đình L và hộ gia đình ông Trần Đức G.

2. Về án phí phúc thẩm hành chính: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Đức G

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Cường**